TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 155/2020/QĐST-HNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 24 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Mỹ T; sinh năm: 1983; Địa chỉ: đường L, khóm B, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Vương Quốc N; sinh năm: 1962; Địa chỉ: đường L, khóm B, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Mỹ T và ông Vương Quốc N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị Mỹ T và ông Vương Quốc N thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: bà Hồ Thị Mỹ T và ông Vương Quốc N trình bày ông bà có có 02 người con chung tên Vương Khánh T1 (N, sinh ngày 03/7/2004) và Vương Minh T2, (nữ, sinh ngày 21/10/2006). Sau khi ly hôn, bà T và ông N thống nhất giao cháu Vương Khánh T1 và Vương Minh T2 cho bà Hồ Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T1 và cháu T2 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Hồ Thị Mỹ T và ông Vương Quốc N thống

nhất ông Vương Quốc N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vương Quốc N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Vương Khánh T1 và Vương Minh T2 mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: bà Hồ Thị Mỹ T và ông Vương Quốc N trình bày thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: bà Hồ Thị Mỹ T và ông Vương Quốc N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí ly hôn số tiền 150.000 đồng, bà Hồ Thị Mỹ T tự nguyện xin chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004674 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Mỹ T số tiền tạm ứng án phí còn thừa 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên